TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 86*/2026/QĐST/HNGĐ*

Khu vực 7, ngày 22 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 475/2025/TLST - HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1996.

CCCD số: 026196007975; tại Cục C về TTXH – Bộ C1

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Thôn A H, xã M, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1992.

CCCD số: 001092046752; tại Cục C về TTXH – Bộ C1

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Thôn A H, xã M, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 07/2018, ngày 22/01/2018, tại UBND xã M, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2026 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân và gia đình.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. ***Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:*** Chị Nguyễn Thị L và anh

Trần Văn Đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung**: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Văn Việt A, sinh ngày 09/9/2018.

Giao cháu cháu Trần Văn Việt A, sinh ngày 09/9/2018 cho chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên, đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác;

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đ không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T cho đến khi thành niên, đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Đ có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung; tài sản riêng; đất ở; đất nông nghiệp; công sức; công nợ**: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, không xem xét.

- **Về án phí:** Chị L tự nguyện nộp toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo pháp luật. Xác nhận chị L đã nộp đủ 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012098 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Hoàn trả lại chị L số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND khu vực 7.*
- *Phòng THADS khu vực 7.*
- *CQ đã thực hiện việc ĐKKH*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ; VP.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Định